

CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG (CỬU VỊ NỮ PHẬT)

(Tổng hợp tài liệu của các soạn giả Đức Nguyên và Trần Văn Rạng)

Cửu vị Tiên Nương là 9 vị Tiên Nữ ở Diêu Trì Cung, tầng trời Tạo Hóa Thiên, hầu cận Đức Phật Mẫu và giúp việc cho Đức Phật Mẫu.

“Dưới quyền Đức Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hàng hà sa số Phật trông nom về Cơ phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng đứng đầu.

Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam Hải, ở An Nhân động. Còn Diêu Trì Cung thì ở tại Tạo Hóa Thiên.”¹

Cửu Vị Tiên Nương đã lập được nhiều công quả trong thời khai Đạo, dẫn dắt các nguyên căn đi vào con đường đạo đức và làm môn đệ cho Đức Chí Tôn, để các vị nguyên căn trở thành tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo. Nhờ công quả này, Cửu Vị Tiên Nương đắc phong vào hàng Phật vị, nên còn gọi là Cửu Vị Nữ Phật.

Nhiệm vụ của Cửu Vị Tiên Nương, từ Nhứt Nương đến Cửu Nương, trong Cửu Trùng Thiên nơi cõi Thiêng liêng như sau:

¹ Trích thánh giáo Luật Tam Thế của Đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương giảng cơ.

1. NHỨT NƯƠNG:

Nhứt Nương cầm đờn tỳ bà, cai quản Vườn Ngạn Uyển, thuộc tầng trời thứ nhứt của Cửu Trùng Thiên, đón tiếp các chơn hồn qui thiên đi vào Cửu Trùng Thiên, xem xét các nguyên nhơn đang còn sống nơi cõi trần hay đã qui liễu. Mỗi đóa hoa trong Vườn Ngạn Uyển là một chơn linh. Khi chơn linh tái kiếp xuống trần thì hoa nở, khi qui liễu thì hoa héo tàn. Khi chơn linh làm điều đạo đức thì sắc hoa tươi thắm, còn làm điều gian ác thì sắc hoa ử dột xấu xí.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Nhứt Nương có tên là Hoàng Thiều Hoa, một vị nữ tướng tài giỏi dưới thời Hai Bà Trưng.

Do đó, trong lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bài thái hiến lễ Nhứt Nương khởi đầu bằng chữ “Hoa”:

HOA thu ủ như màu thẹn nguyệt,
Giữa thu ba như tuyết đông về.
Non sông trải cánh tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.

SỰ TÍCH:

Theo sự cầu cơ học hỏi của Đức Cao Thượng Sanh, Nhứt Nương tên là Hoàng Thiều Hoa, tướng của Hai Bà Trưng.

Như vậy, HOA tức là Hoàng Thiều Hoa, người có công dẹp giặc nên được Hai Bà Trưng phong là Đông cung Công chúa và được dân tôn thờ ở chùa Phúc Khánh và miếu thờ ở xã Song Quang (nay là xã Hiền Quang, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú).

Hai vợ chồng Hồng Phụ nhà nghèo, ở với nhau lâu mà không con. Ngày kia hai vợ chồng đi kiếm củi ở núi Tản

Viên. Khi mệt nhọc, cả hai nằm ngủ, người vợ mộng thấy có một người con gái xinh đẹp từ trong núi đi ra, ngã đầu chào.

Người vợ nắm chặt tay nàng và hỏi: Nàng ở đâu đến?

Nàng đáp: Con là con gái của Sơn Thánh Tản Viên tên là Thiều Hoa. Ông bà có muốn nhận con làm con không?

Bà âu yếm đáp: - Nếu ta được con, ta sẽ coi con như con đẻ.

Sau đó, bà Đào thị sanh được một người con gái đẹp như tiên, giống như người trong mộng, nên đặt tên là Thiều Hoa. Từ khi có nàng, vợ chồng Hoàng Phủ đỡ vất vả. Năm 13 tuổi, cô ném đá vào quân Hán để cứu người. Năm sau, cha mẹ đều mất cả, cô phải đi chăn trâu ở xã Song Quan. Một hôm, Cô đứng trên gò cao nhìn xuống bãi sông thấy quân Hán nắm râu một cụ già lồi đi. Cô tức giận, lấy gậy chạy xuống bãi, chợt nghe tiếng gọi, cô thấy một ni cô đang vẫy tay. Cô chạy tới, Ni cô bảo:

- Con tuy có sức khoẻ, nhưng việc con làm chưa có ích gì cho dân tộc, ta không chỉ lo cho một người khỏi bị đánh mà phải lo cho cả nước khỏi bị đô hộ.

Thiều Hoa tỉnh ngộ thưa rằng:

- Từ nay, con xin ghi nhớ lời Thầy. Xin Thầy cho con làm đệ tử của Thầy.

Ni cô khẽ đáp: - Ta là người tu hành nhưng không quên việc cứu sanh linh ra khỏi cảnh trầm luân. Nếu con có chí lớn thì theo ta về chùa.

Từ đó, vườn chùa đã trở thành nơi rèn luyện của những người nghĩa dũng yêu nước. Năm 18 tuổi, cô từ giã ni cô đi Mê Linh đầu quân, được Hai Bà Trưng cho về sông Quan

mộ nghĩa sĩ. Khi lệnh khởi nghĩa ban ra, cô dẫn 500 trai gái Sông Thao kéo về Mê Linh, được Hai Bà Trưng phong chức Tiên phong Hữu tướng.

Trong trận đánh Luy Lâu, Cô lập được nhiều công lớn. Khi Hai Bà Trưng lên ngôi vua, cô được phong là Đông Cung Công Chúa. Quả thật cô đã rạng danh: "Non sông trải cánh Tiên loè".

Trong kỳ Ba phổ độ này, cô là Nhứt Nương Điều Trì Cung có bốn phận phổ độ nhưn sanh miền thượng du và trung du Bắc VN theo Đạo mới.

Vào ngày 27-01-1926, Nhứt Nương giáng cơ dạy Đạo cho các ông Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang và bà Nguyễn Thị Hiếu như sau:

"Nhứt Nương, Em chào các anh và đại tỷ.

Cái bông phù dung sớm còn tối mất còn hơn một kiếp người vì nó sống gần ngủi đường ấy nhưng mà buổi sớm còn có sắc, chớ người đời sanh ra chỉ để thọ khổ mà thôi. Chung qui, dù sống trăm tuổi chưa được một điều đặc chí, chết thì hết cái đời tạm này.

Em xin ba anh coi sự trường sanh của mình làm trọng, người không có phải kiếm, mình có sẵn nở bỏ đi, em chỉ tiếc giùm đó thôi. Đi vô đường chánh, cứ lo bước tới hoài thì trở về cửu vị đặng."

Khi ông Lê Văn Trung hỏi: - Có duyên luyện đạo được cùng chăng? Xin em mách bảo giùm.

Nhứt Nương đáp: - *"Đã gặp Đạo tức có duyên phần. Rán tu luyện! Siêng thì thành, biếng thì đọa, liệu lấy mà răn mình. Phải tính sớm, một ngày qua, một ngày chết, đừng dụ dự.*

Em xin kiếu".

2. NHỊ NƯƠNG:

Nhị Nương cầm lư hương, cai quản Vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu, thuộc tầng trời thứ nhì của Cửu Trùng Thiên, đón tiếp các chơn hồn qui thiên đến Vườn Đào Tiên, mở tiệc trường sanh đãi các chơn hồn, và đưa các chơn hồn đến Ngân Kiều để cỡi Kim Quang bay lên Ngọc Hư Cung.

Trong một kiếp giáng trần ở VN, Nhị Nương có tên là CẨM. Do đó trong lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bài thài hiến lễ Nhị Nương khởi đầu bằng chữ “CẨM”:

CẨM tú văn chương hà khách đạo?

Thi thần tửu thánh vấn thù nhân?

Tuy mang lấy tiếng hồng quần,

Cảnh tiên còn mển, cỡi trần anh thư.

SỰ TÍCH:

Bài thài của Nhị Nương có câu: "Cẩm Tú văn chương hà khách đạo?" Cẩm Tú hay Cẩm Bửu (Cambhupura) là công trình văn hoá lớn của người khách Đạo (bạn đạo nước ngoài) tên là Jyeshthâryâ, người Thủy Chân Lạp. Nước Thủy Chân Lạp (Theo truyền thuyết, vị thần dựng nước Chân Lạp tên Kambu, nên tên nước là Kambujâ tức Chân Lạp, Pháp dịch Cambodge, Cambhu là Cẩm Bửu, Pura là thành thị. Tên ghép là thành thị Cẩm Bửu) gồm lưu vực sông Mékong và Miền Nam VN ngày nay. Lúc ấy bị chia làm nhiều khu vực do các vị Hoàng thân và tướng lãnh Phù Nam thống trị.

Nữ Vương Jyeshthâryâ là cháu 3 đời của Quốc Vương INDRAKOLA cai trị vùng đất quanh tỉnh Kratié ngày nay, đồng thời với vua Jayavarman II (802-850). Năm 803, Nữ Vương xây một ngôi tháp ở Cambhupura, là đế đô cũ của

vua Mahendravarman (600-615). Kiến trúc của tháp này ảnh hưởng đạo Bà La Môn, nét hoa văn trang trí trên tháp như cẩm tú (như gấm như thêu). Bà thật xứng đáng bậc anh thư Chân Lạp.

"Tuy mang lấy tiếng hồng quần,

Cảnh tiên còn mển, cỡi trần anh thư"

Nữ Vương theo Bà La Môn, tôn thờ các đấng Bhrama, Christna, Civa mà Đạo Cao Đài tạc tượng thờ trên nóc Bát Quái Đài. Ngươn linh của Bà là Nhị Nương ở cung Diêu Trì, có phận sự bảo hộ và phổ độ dân Cao Miên (Campuchia) theo Đạo mới. Nhờ vậy, mà việc phá rừng xây cất Toà Thánh trong buổi đầu mới thành tựu được.

3. TAM NƯƠNG:

Tam Nương cầm quạt Long Tu phiến, đón tiếp các chơn hồn đến tầng trời thứ ba là Thanh Thiên, thả thuyền Bát Nhã nơi bể khổ, đưa các chơn hồn có đủ phước đức qua khỏi bến mê sang bờ giác, qui hồi cự vị.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Tam Nương có tên là TUYẾN. Do đó Bài thài hiến lễ Tam Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là “TUYẾN”:

TUYẾN đức năng thành đạo,

Quảng trí đắc cao huyền.

Biển mê lác lẻo con thuyền,

Chở che khách tục, cứu tuyền ngăn sông.

SỰ TÍCH:

Tam Nương rất quảng trí xuất hiện trần gian để độ thế, thường Cô chỉ mặc áo tràng trắng có viền kim tuyến (giống áo Chức sắc Nữ phái): "Tuyến đức năng thành đạo", mỗi

khi Cô hiển hiện. Thế nên người đời thường gọi Cô là Bà Kim Tuyến.

Người ta còn truyền lại: Khi Nguyễn Hồng rời bỏ họ Trịnh, từ Thăng Long vào miền Trung tìm nơi đóng đô chưa được, thì may thay gặp một bà già mặc áo quần trắng có viên kim tuyến trên một ngọn đồi. Bà trao cho Nguyễn Hoàng một nén hương đang cháy và dạy:

- Người hãy cầm nén hương này mà đi, bao giờ hương tắt thì đó là nơi đóng đô.

Theo lời dạy, khi nhang tàn, quả nhiên Nguyễn Hoàng thấy trước mắt một vùng núi sông hiền hòa (sông Hương núi Ngự). Thế nên Nguyễn Hoàng quyết chọn làng Phú Xuân (nay là Huế) làm kinh đô.

Để nhớ ơn bà già tặng nhang, Nguyễn Hoàng cho xây dựng trên ngọn đồi này một ngôi chùa. Đó là chùa Thiên Mụ bên sông Hương. Trong chùa có tháp Phước duyên làm biểu tượng của Huế, có tượng thờ Đức Di Lạc; nổi tiếng nhất là tiếng chuông Thiên Mụ (Thiên Mụ là người đàn bà ở cõi Trời). Vì thế, Bà giáng hạ có phận sự độ khách tục khỏi biển mê và cửu tuyền vì giáo lý Cao Đài dạy: Vô Địa ngục, Vô Quỷ quan.

"Biển mê lắc lẻo con thuyền,

Chở che khách tục cửu tuyền ngăn sông".

Bà Tam Nương ở Cung Diêu Trì có phận sự phổ độ lương dân miền Trung và Nam Trung phần VN theo Đạo mới.

4. TỬ NƯƠNG:

Tử Nương cầm Kim Bảng, hướng dẫn các chơn hồn đến tầng trời thứ tư là Huỳnh Thiên, làm giám khảo tuyển chọn các văn tài trong mỗi khoa thi. Ai hiền đức và học giỏi, Cô mới cho đỗ đạt.

Trong một kiếp giáng trần ở Việt Nam, Tử Nương có tên là GẤM. Do đó Bài thái hiến lễ Tứ Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là "GẤM":

GẤM lót ngõ chưa vừa gót ngọc,

Vàng treo nhà, ít học, không ưa.

Đợi trang nho sĩ tài vừa,

Đằng giao khởi phụng chưởng ngựa Tiên thi.

SỰ TÍCH:

Vào năm 1655, Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật đem quân vượt Sông Gianh ra Bắc đánh quân Trịnh. Trịnh Đào thua chạy về An Trường (nay là Nghệ An).

Quân Nguyễn thừa thắng đuổi theo chém giết vô kể, rồi chiếm Nghệ An. Cô Lê Ngọc Gấm sanh trong một gia đình thủ công nghệ bị chết trong cảnh loạn quân đó, lúc đó mới 9 tuổi. Linh hồn Cô phảng phất và tá túc ở Đền Sòng (Thanh Hóa nơi thờ Bà Liễu Hạnh).

Năm 1705, Cô chuyển kiếp vào nhà họ Lê ở Văn Giang, ông Hương Cống Lê Doãn Nghi nằm mộng thấy linh thần tặng cho họ Đoàn nên đổi từ họ Lê sang họ Đoàn. Ông Nghi lập gia đình, sau sinh được hai người con đều hay chữ là Tiến sĩ Đoàn Doãn Luân và bà Đoàn Thị Điểm. Như vậy cô Gấm là tiền thân của bà Đoàn Thị Điểm.

Bà bẩm sinh tư chất thông minh, văn hay chữ tốt, một giai nhân khiêm cung đức độ, được vậy là nhờ bà là chơn linh của Tứ Nương. Dưỡng phụ Bà là Thượng thư Lê Anh Tuấn tiến cử Bà vào cung Chúa Trịnh, nhưng bình sanh Bà không ưa cảnh quan quyền nên khước từ.

Bà dốc hết tâm trí vào việc trau dồi văn chương cho được "Đề giao khởi phụng". Bà mở trường dạy học và dạy nữ công (nên tượng Tứ Nương cầm cây Kim Bồng). Bà chế ra hai cái túi: Một cái thêu kiểu tam hữu (tùng, trúc, mai) và một cái thêu kiểu Bát Quái, ám chỉ Bà là Tiên nữ.

Năm 1927, Cha mất, Bà cùng mẹ về Hưng yên, nơi anh bà là Đoàn Doãn Luân đang dạy học. Ông Luân thường bày nhiều cuộc xướng họa để thử tài Bà. Một hôm, ông lấy chữ trong Sử Ký nói về Hán Cao Tổ để bà đối lại.

Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi.

(Con rắn trắng đón đường, Ông Quý rút gươm ra chém.

Bà liền dùng một câu nguyên văn trong Sử ký (sách của Tư Mã Thiên) thuộc đời Ngu Thuấn nói về ông Hạ Vũ để đối lại:

Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.

(Con rồng vàng đội thuyền, ông Vũ nhìn trời mà than).

Còn nhiều giai thoại giữa ông Luân và Bà, và nhiều thi nhân khác. Nhiều người giàu có đổ đạt nghe tiếng muốn cầu hôn đều bị bà khước từ và cho họ là bọn học vẹt, chớ không có thực tài văn chương như Tiến sĩ Nguyễn Công Thái, Nhữ Đình Toản. Thật đúng với hai câu:

"Gấm lót ngõ chưa vừa gót ngọc,

Vàng treo nhà ít học không ưa".

Bà chỉ ước mong có một người tài ba là Nguyễn Kiều đỗ Tiến sĩ lúc 21 tuổi, văn võ song toàn.

"Đội trông nho sĩ tài vừa,

Đề giao khởi phụng chẳng ngừa tiên thi".

Nhưng mãi đến năm bà 37 tuổi, ông Nguyễn Kiều mới xin cầu hôn với bà. Năm 1748, Nguyễn Kiều được bổ làm Tham Thị ở Nghệ An, Bà xuống thuyền theo chồng đến Đền Sòng (dưới chân núi Sùng), nơi thờ bà Công chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm nặng và mất ở đó vào ngày 11-9-1748, nhập vào chơn linh nàng Gấm. Đó là ngày tái hợp mà nàng Gấm đã hẹn với bà Liễu Hạnh (vốn là Ngũ Nương Diêu Trì Cung). Ông Nguyễn Kiều thương tiếc làm bài văn tế như sau:

"Ô hô! Hỡi nàng!

Huệ tốt, lan thơm,

Phong tư lộng lẫy, cử chỉ đoan trang,

Nữ đức trọn vẹn, tài học ngõ ngang.

Giáo mác, ấy bàn luận;

Gấm vóc, ấy văn chương;

Nữ trung hiêm có như nàng:

v.v.." (Hoàng Xuân Hãn, Chinh phụ Ngâm bị khảo).

Bà vốn là Tứ Nương Diêu Trì Cung, có phận sự mở kiến thức khiếu linh quang cho nhơn loại và nâng đỡ người sống như linh hồn được linh hoạt hay linh hiển để học hỏi giỏi giang ở tại cõi đời hoặc cõi vô hình.

Bà có phận sự phổ độ những nho sĩ, những người văn chương khoa bảng thành thị Bắc phần Việt Nam theo Đạo mới.

Bà Đoàn Thị Điểm đã giảng cho nhiều Kinh Thế Đạo như các bài: Kinh tụng khi Vua thăng hà, Kinh tụng khi Thầy qui vị, Kinh Cầu Tổ phụ đã qui liễu, Kinh tụng Cha mẹ đã qui liễu, Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu, Kinh tụng Huynh đệ mãn phần, Kinh tụng khi chồng qui vị, Kinh tụng khi vợ qui liễu. Cộng chung là 8 bài.

Nhất là tập NỮ TRUNG TÙNG PHẬN, theo thể thơ song thất lục bát (giống như tác phẩm Chinh phụ ngâm bà làm khi còn sống) gồm 350 vế, 1400 câu, thêm câu kết là 1401 câu: "Đời đời danh chói Cao Đài"

5. NGŨ NƯƠNG:

Ngũ Nương cầm cây Như Ý, tiếp dẫn các chơn hồn đến tầng trời thứ năm trong Cửu Trùng Thiên là tầng Xích Thiên. Nơi đây, chơn hồn được hướng dẫn đến Chiếu Giám Minh Cảnh Đài để xem rõ ràng các tội phước mà mình đã gây ra trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, rồi đến Cung Ngọc Diệt Hình để mở quyển Kinh Vô Tự cho chơn hồn thấy rõ quả duyên của mình.

Trong một kiếp giảng trần ở Việt Nam, Ngũ Nương có tên là LIỄU. Do đó Bài thài hiến lễ Ngũ Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là "LIỄU":

LIỄU yếu diệu còn ghen nét đẹp,

Tuyệt trong ngần khó phép so thân.

Hiu hiu nhẹ gót phong trần,

Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.

SỰ TÍCH:

Vào đời Hậu Lê, năm 1557 ở thôn Thái An, tỉnh Nam Định, có nhà họ Lê, vợ mắc bệnh suy nhược không sinh đẻ được.

Một hôm, có một vị đạo sĩ đến nhà xin trị bệnh, bằng cách cho người chồng là Lê Thái Công đánh thiếp lên Thiên đình. Ông Lê Thái Công tình cờ thấy công chúa Quỳnh Hương lỡ tay làm bể chén ngọc, nên bị Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đày xuống trần. Khi xả đồng tỉnh lại, Lê Thái Công được tin vợ sanh được một người con gái đẹp như tiên giảng trần, đặt tên là Liễu Hạnh.

"Liễu yếu diệu còn ghen nét đẹp"

Năm 1578, đột nhiên Cô Liễu "hiu hiu nhẹ gót phong trần" bỏ xác phàm trở về thượng giới trong khi chưa hết hạn làm khách trần chuộc tội. Thế nên sau đó Đức Thượng Đế ra lệnh Cô xuống trần lần nữa. Chính lần này Cô gặp Cô Gấm (Tứ Nương). Để công phổ độ sớm hoàn thành, Cô đi khắp vùng Bắc phần và Bắc Trung phần VN để giúp nhơn sanh. Cô xuất hiện giữa ban ngày ở vùng Phố Cát (Thanh Hoá) và nhiều nơi khác.

Để tỏ lòng biết ơn Bà, dân chúng xây đền thờ Bà ở nhiều nơi như: Phủ Giầy (Nam Định), Đền Sòng, Phố Cát (Thanh Hóa), Đền Sùng Sơn (Hà Nội).

Triều đình nghe danh phong tặng Bà là "Thượng đẳng Phúc Thần" (Thần ban phúc). Nhân dân gọi Bà là Mẫu Liễu, lễ vía vào ngày 3-3 Âm lịch.

Đến cuối đời Hậu Lê, một vị quan nằm mộng thấy Bà Liễu lên xe mây về trời. (Hoàng Trọng Miên, Việt Nam văn Học toàn thư. Sài Gòn 1959)

Bà là Ngũ Nương ở Cung Diêu Trì, có phận sự phổ độ nhơn sanh đồng bằng Bắc phần và Bắc Trung phần VN theo Đạo Cao Đài.

6. LỤC NƯƠNG:

Lục Nương cầm phướn truy hồn, tức là phướn Tiêu Diêu, độ dẫn khách trần, và tiếp đón các chơn hồn đến tầng trời thứ sáu là Kim Thiên, đưa chơn hồn đến Đài Huệ Hương xông thơm chơn thân, trỗi nhạc Thiên thiều đưa chơn hồn lên cõi Niết Bàn.



(Painting, c.1485. Source: http://en.wikipedia.org/wiki/Joan_of_Arc)

Lục Nương giáng trần ở nước Pháp là Thánh Nữ Jeanne d'Arc (1412-1431), một vị Nữ Anh hùng cứu nguy nước Pháp, sau đó lại giáng sanh ở Việt Nam có tên là HUỆ.

Do đó Bài thài hiến lễ Lục Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là “HUỆ”:

HUỆ ngào ngọt đưa hơi vò dịu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu diêu phát phướn, cõi tòng đưa Tiên.

SỰ TÍCH:

Cô Hồ Thị Huệ là hậu thân của bà Jean D'Arc, theo Thánh giáo: Jean D'Arc (1412-1431) tự là Pucelle d'Orléans, nữ anh hùng nước Pháp, sanh ở Domremy (biên giới tỉnh Lorraine và Champagne). Bà thuộc gia đình nông dân, hiếu thảo vẹn toàn. Năm 13 tuổi (1428) trong lúc chặn cừu, Bà nghe tiếng nói thiêng liêng giục Bà cứu Hoàng Thái tử Charles VII và giải nguy cho nước Pháp.

Quân Anh vây Orléans, khi sắp hạ thành thì Bà xuất hiện (30-4) với một đội quân dũng cảm. Ngày 8-5, Bà đánh bại quân Anh. Nhờ đó, nhân dân Pháp vùng dậy tràn đầy hy vọng, thừa thắng xông lên. Sau đó Bà rước vua Charles VII về Rêm (Reims) để làm lễ tấn phong theo tục lệ bấy giờ. Năm 1430, Bà không chịu được thái độ của bọn cự thủ thần và cũng vì chán sống cảnh an nhàn sa đọa của triều đình phong kiến, Bà lại ra quân giải vây thành Compiègne. Bà bị quân Burgundian bắt, bán lại cho người Anh.

Bà bị giam cầm khổ sở. Sau cùng, tôn giáo pháp đình của người Anh kết án Bà là tà giáo phải bị hỏa thiêu vào ngày 30-5-1431 tại Rouen. Năm ấy Bà mới có 19 tuổi.

Bà Jeanne d'Arc là anh hùng nông dân Pháp, một biểu tượng trong sạch từ thể xác tới tinh thần. Sự xuất hiện của

Bà chứng tỏ rằng sứ mạng của bọn quý tộc phong kiến và võ sĩ đã chấm dứt.

Năm 1920, lễ kỷ niệm Bà được nhân dân Pháp tôn vinh là quốc lễ. Bà là Lục Nương, có phận sự bảo hộ và phổ độ dân tộc Pháp theo Đạo mới. Bà đã phổ độ nhà văn Gabriel Gobron đấng phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn và nhiều người khác.

Sau Bà Jeanne d'Arc chuyển kiếp đầu thai ở Việt Nam tên là Hồ Thị Huê (hay Hoa) sanh năm 1790, con của ông Khâm sai Hồ Văn Vui và bà Hoàng Thị, người huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa.

Lăng mộ họ Hồ hiện ở gần thị trấn Thủ Đức. Chính Bà đã phổ độ ông huyện Thờ ở Thủ Đức (sau đấng phong Đầu Sư) và hướng dẫn Đức Hộ pháp hành pháp tại Long Vân Thánh Tịnh (gần cây mũa của Thủ Đức) trong buổi đầu khai Đạo.

Năm Bính Dần niên hiệu Gia Long thứ 5 (1805), Thế Tổ Cao Hoàng Đế và Hoàng hậu lựa chọn Bà Hồ Thị Huê làm phối thất cho vua Minh Mạng.

Bà có đủ các đức (tư phong): Thực, Thuận, Hiền, Trinh, hết đạo hiếu kính. Vua Thế Tổ khen ngợi đặt tên là Thật. Thế Tổ bảo: Phi nguyên tên là Huê, hoa thì chỉ nghe thơm mà thôi, chi bằng chữ Thật, Thật là gồm có quả phúc, nên trong bài thài có hai câu:

"Huê ngào ngạt đưa hơi vị diệu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong"

Tháng 5-1807, Bà sinh ra Thiệu Trị được 13 ngày thì Bà băng, lúc mới 17 tuổi: "Nương mây như thả cánh hồng".

Bà là Lục Nương ở Cung Diêu Trì có phận sự phổ độ những người trong Hoàng tộc theo Đạo mới, như bà Từ Cung, mẹ của vua Bảo Đại. Bà Từ Cung được ân phong Phối sư Nữ phái. (xem thêm tiểu sử của Bà Lục nương)

Trong đàn đêm 24-2-1934 tại Tòa thánh, phò loan Hộ pháp - Tiếp thế, Lục Nương giảng cho biết bà là Jeanne d'Arc.

Trong một đàn khác, vào ngày 22-9-1934 phò loan Hộ pháp Tiếp đạo. Bà Jeanne d'Arc giảng dạy Đạo cho Bà Perreux như sau:

Bonjour ma chère compatriote (Mme Perreux).

Je viens pour vous, par les prières sincères de nos frères en esprit".

Mme Perreux demande des explications sur la nouvelle religion, où il y a des dames dignitaires.

"Oui, c'est la seule religion qui octroie aux femmes un pouvoir spirituel à peu près égal à celui des hommes. Elle mettra en vue une justice que la chrétienté a niée depuis longtemps."

(Les messages spirites Tây Ninh 1962 trang 103)

[Thanh Mai dịch:]

"Xin chào nữ đồng bào thân mến của Ta [bà Perreux].

Ta giảng vì các huynh đệ, do lời cầu nguyện thành tâm của các huynh đệ."

[Bà Perreux xin Thánh nữ Jeanne d'Arc giải thích về nền tôn giáo mới có các nữ chức sắc.]

"Phải. Đây là nền tôn giáo duy nhất ban cho phái nữ một quyền năng tâm linh ngang bằng với phái nam. Nền đạo

này cho thấy một sự công bằng mà đạo Thiên Chúa đã từ bỏ lâu rồi...”

(Thánh ngôn Tây Ninh 1962, trang 103)

Trong đêm Hội Yến Diêu Trì Cung đầu tiên (15-8 Ất Sửu, dl 1-9-1925), Lục Nương mời 3 Thiên sứ liên ngâm để dạy đạo.

Lục Nương:

*Trót đã đeo mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi*

Cao Quỳnh Cư:

*Oằn vai thần đạo non sông vách,
Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.*

Phạm Công Tắc:

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

Cao Hoài Sang:

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đời năm, dễ khó đời.*

Lục Nương:

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn,
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.*

Cao Quỳnh Cư:

*Cân đai tuế nguyệt trên hồn bướm,
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

Phạm Công Tắc:

*Chiếc bách đập dồn dòng bích thủy,
Phồn hoa mờ một giấc huyền lương.*

Cao Hoài Sang:

Bờ dương chừ dựng phong trần rảnh.

Quả gánh thơ đàn dạo bốn phương.

Khi tái cầu, Lục Nương cho bài thi như sau:

Im lìm cây cỏ vẫn in màu,

Mờ một vườn xuân điểm sắc thu.

Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,

Sương lồng ướt đất liễu đeo châu.

Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,

Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu.

Non nước diu hiu Xuân vắng chúa,

Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.

7. THẤT NƯƠNG:

Thất Nương cầm bông sen, hướng dẫn các chơn hồn đến tầng trời Hạo Nhiên Thiên để bái kiến Đức Chuẩn Đề Bồ Tát.

Thất Nương là vị Nữ Tiên đầu tiên giáng bàn (thuở còn xây bàn) dùng thi văn để dẫn dắt các vị nguyên căn vào cửa Đạo làm môn đệ cho Đức Chí Tôn, để sau này các vị ấy trở thành tướng soái cho Chí Tôn mở Đạo.

Thất Nương lại để lòng từ bi tình nguyện lãnh lệnh Ngọc Hư Cung đến cõi âm quang để giáo các nữ tội hồn, để họ sớm thức tỉnh mà được tái kiếp trả cho xong căn quả và lo tu hành lần về cực vị.

Trong một kiếp giáng trần gần đây nhất, Cô có tên là Vương Thị Lễ, sanh năm 1900 tại Chợ Lớn, con của ông Vương Quan Trân và bà Đỗ Thị Sang (con gái của Tổng Đốc Phương). Ông Vương Quan Trân làm Đốc phủ, là anh

ruột của ông Vương Quan Kỳ, đặc phong Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh ở Thánh Thất Cầu Kho. Cô Lễ bị bạo bệnh mất năm 18 tuổi.



(Ảnh tài liệu tamgiaodongnguyen.com)

Bài thài hiến lễ Thất Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là “LỄ”:

LỄ bái thường hành tâm đạo khởi,
Nhân từ tái thế tử vô ưu.

Ngày xuân gọi thế hảo cừ,
Trăm duyên phước tục, khó bù buồn Tiên.

SỰ TÍCH:

Cô Vương Thị Lễ sinh năm 1900 tại Chợ Lớn, con ông Vương Quan Trân (anh ruột giáo sư Vương Quan Kỳ) và bà Đỗ Thị Sang (con gái của ông Tổng đốc Đỗ Hữu Phương).

Nhà họ Đỗ sanh con khó nuôi, nên phải ra tận Huế thỉnh lư hương của Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (tức Phật Mẫu) về thờ để mong phò hộ. Nhờ đó cô Vương Thị Lễ được nuôi lớn. Nhưng đến năm 18 tuổi Cô “phải nợ xuống tuyền đài”.

Theo lời của Đức Hộ pháp thuật lại thì tiền kiếp của cô Lễ là một vị công chúa, con một vị vua. Trong triều có một vị quan yêu cô, nhưng vì môn đăng hộ đối không lấy được cô nên vị quan bị thất tình mà chết.

Đến kiếp này, cô đầu thai vào gia đình họ Vương, đang theo học trường Sainte Enfance đến trình độ Brevet Elémentaire (Trung học Pháp), có nhiều danh gia vọng tộc đi hỏi cưới mà cô không chịu, sau Cô mắc phải bệnh ngặt nghèo, chạy đủ thầy mà không hết. Thân mẫu cô mới truyền rao ai cứu được cô thì gả cho người ấy.

Lúc đó có một ông thầy thuốc tây, học ở Hà Nội (Médecin Indochinois) mới bổ lên Saigon. Gia đình có rước đến chữa khỏi bệnh cho cô. Cô biết vị lương y này là ông quan trẻ thầm yêu cô trước kia vì “nợ ba sinh” mà hai người cùng đầu kiếp để nên nghĩa vợ chồng.

Song, thân mẫu Cô quên lời hứa, chỉ trả tiền cho thầy thuốc rồi thôi. Riêng cô vẫn giữ dạ keo sơn rồi trở bệnh cho đến chết.

8. BÁT NƯƠNG:

Bát Nương cầm giỏ Hoa Lam, dày công giáo hóa và xây dựng Đạo Cao Đài buổi sơ khai, có phận sự độ rỗi các nguyên nhân còn tại thế, nhất là nữ phái, tiếp đưa các chơn hồn đến tầng trời Phi Tưởng Thiên bái kiến Đức Từ Hàng Bồ Tát. Ai có việc chi cầu khẩn với Bát Nương thì được đắc nguyện một cách linh hiển.

Tại Báo Ân Đường Kiêm Biên (Nam Vang), Đức Phạm Hộ pháp phò loan, Bát Nương giảng cơ cho bài Phật Mẫu Chơn Kinh để cúng Đức Phật Mẫu. Đây là một bài kinh vô cùng quan trọng của Đạo Cao Đài, cho biết quyền năng của Phật Mẫu, mà từ thuở xưa tới giờ chưa có bài kinh nào như vậy.

Bát Nương cùng Đức Cao Thượng Phẩm luân phiên giảng cơ dạy về Luật Tam Thể và Diêu Trì Cung, tạo thành một tài liệu học đạo rất quý báu.

Bát Nương giảng trần ở nước Trung Hoa vào thời nhà Tây Hán, có tên là Hồn Liên Bạch (họ là Hồn, tên là Liên Bạch có nghĩa là hoa sen trắng), sau đó lại giảng trần nơi nước Việt Nam, sanh vào nhà họ Hồ.

Do đó Bài thài hiến lễ Bát Nương khởi đầu bằng chữ HỒ HỚN là hai họ: Họ Hồ và họ Hồn, hoa sen trắng là Liên Bạch, tên Cô:

HỒ HỚN HOA SEN TRẮNG nở ngày,

Càng gần hơi đẹp lại càng say.

Trêu trăng hằng thối dấu mây,

Cột mây tránh chức Phật đài thêm hoa.

Bát Nương giảng cơ dạy về Diêu Trì Cung:

(Phò Loan: Thừa sử Phước, Luật sự Nhung.

Hầu Đàn: Luật sự Ảnh, Hợi, Tiếp, Tú, Hường, Cao, Trường, Khoe.)

Bát Nương. Chị chào mấy em,

Đêm nay Chị đến đặng chỉ cho mấy em được rõ Diêu Trì Cung là nơi nào?

Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang, đài ấy thấu lừng sanh quang của Ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên Chơn thần cho vạn linh trong càn khôn vũ trụ.

Phật Mẫu là Đấng nắm cơ sanh hóa, thay quyền Chí Tôn, đứng ra thấu cả Thập Thiên Can đem hiệp với Thập Nhị Địa Chi mà tạo nên vạn vật. Nơi Cung Diêu Trì là nơi tạo nên Chơn thần và thể xác đó vậy.

Diêu Trì Cung là cung điện bằng ngọc Diêu ở bên Ao Thất Bửu chớ chẳng chi lạ. Ngọc tượng trưng cho sự quý giá, còn Diêu là chất hơi kết tụ mà thành.

Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hàng hà sa số Phật, trông nom về cơ phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là đấng cầm đầu.

Quan Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải ở An Nhân Động. Còn Diêu Trì Cung thì ở tại Tọa Hóa Huyền Thiên.

Nơi Cung Diêu Trì còn có một cõi Âm quang riêng biệt gọi là Phong Đô đặng giáo hóa các chơn thần đã bị lạc nẻo trên đường trần.

Vậy vẫn tất hơn, Diêu Trì Cung là cơ sanh hóa vạn linh và vạn vật đó. Chị sẽ đến dạy thêm vào kỳ tới.

Chị xin kiếu.

9. CỬU NƯƠNG:

Cửu Nương cầm ống tiêu, có phận sự giác ngộ các chơn hồn bị đọa lạc nơi trần thế, tiếp dẫn các chơn hồn lên đến tầng trời Tạo Hoá Thiên, tầng thứ chín trong Cửu Trùng Thiên để bái kiến Đức Phật Mẫu.



(Ảnh tài liệu tamgiaodongnguyen.com)

Trong một kiếp giáng trần gần đây nhất, Cửu Nương có tên là Cao Thị Khiết (Kiết), sanh năm Bính Thân (1895) tại Bạc Liêu, con của ông Đốc Phủ sứ Cao Minh Thanh và bà

Tào Thị Xúc. Cô là con gái út thứ 9, người anh ruột thứ 6 là ông Cao Triều Phát. Cô mất năm Canh Thân (1920) hưởng dương được 25 tuổi. Mộ của Cô vẫn còn tại Bạc Liêu, cách thị xã Bạc Liêu chừng hơn 2 cây số về hướng đi Vĩnh Châu. Mộ làm bằng đá xanh, rất kiên cố, xây giữa đồng ruộng, trong khu đất dành làm nghĩa trang của dòng học Cao ở Bạc Liêu.

Bài thài hiến lễ Cửu Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung:

KHIẾT sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương.

Tóm lại, Cửu Vị Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa vạn linh. Tất cả các nghề hay, nghiệp khéo, về nữ công, hoặc về cầm, kỳ, thi, họa, cùng là triết học văn chương, đều thuộc về phần nhiệm của Cửu vị Tiên Nương giáo hóa và un đúc cho thành tài.

Ngày nay, thời Tam kỳ Phổ độ, Cửu vị Tiên Nương đã đắc thành Phật vị, gọi là Cửu vị Nữ Phật. Nhưng khi cúng Đức Phật Mẫu nơi Báo Ân Từ hay Điện Thờ Phật Mẫu, chúng ta vẫn còn niệm: NAM MÔ CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG, là để ghi nhớ công đức của Chín Cô trong thời kỳ khai Đạo Cao Đài.

TẢ CHÍN VỊ TIÊN NỮ

Một mào liễu trong ngần đóa ngọc,
Hai má đào phải trọng tiết trinh.
Mảnh thân trọn hiếu thâm tình,
Phải hình thực nữ, phải gìn căn duyên.
Ba yếu diệu thuyền quyên vóc hạc,
Bốn mỹ miều đài các trâm anh.
Khi vui bóng nguyệt rọi màn,
Khi dòng bích thủy, khi cành hoa xuân.
Năm phận gái hồng quần đáng mặt,
Sáu vẹn toàn quốc sắc thiên hương.
Vào ra phụng trướng loan đường,
Vào ra ngọc các cấm tường xem hoa.
Bảy trau chuốt thân ngà mặt ngọc,
Tám chín phần rèn tập nữ nhi.
Chung lo mối Đạo Tam Kỳ,
Giúp nhà Nam Việt kịp thì Long Hoa.

BÁT NƯƠNG

(25-4 Canh Dần 10-6-1950. Trích Thánh giáo Luật Tam thể Tây Ninh)